

# NGUY CƠ RỦI RO THANH KHOẢN ĐANG QUAY TRỞ LẠI ?

KIM ANH

Lạm phát năm 2007 và đầu năm 2008 tăng cao, buộc NHNN áp dụng chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cơ bản đã tăng từ 8,75% lên 14%/năm, lãi suất tín dụng trên thị trường tăng lên 21%, làm cho nhiều NHTM gặp khó khăn về vốn, buộc phải tăng lãi suất huy động tiền gửi lên 19%/năm, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng tăng cao lên đến 45%/năm khiến một số NHTM gặp rủi ro thanh khoản. NHNN đã phải can thiệp bằng các công cụ chính sách tiền tệ, do đó đến cuối năm 2008, đầu năm 2009 tình hình vốn được cải thiện. Tuy nhiên thời gian gần đây dư luận đang lo lắng cho rằng liệu nguy cơ rủi ro thanh khoản có quay trở lại.

## Nguy cơ rủi ro thanh khoản

Trên thị trường tiền tệ, lãi suất tiền gửi các kỳ hạn ngắn hạn tăng gần bằng với kỳ hạn dài hạn, một số ngân hàng thương mại cổ phần như OCB, SCB, VietBank, SHB, HDBank... tiếp tục điều chỉnh tăng lãi suất trong những ngày giữa tháng 8/2009. Chẳng hạn, SHB tăng lãi suất huy động ở các kỳ hạn ngắn, như 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng, với mức tăng trong khoảng 0,2 - 0,5%/năm. Bên cạnh động thái điều chỉnh thêm lãi suất tiền gửi, các ngân hàng còn đẩy mạnh chương trình khuyến mãi tặng thêm lãi suất.

Lãi suất trên thị trường liên ngân hàng: theo thông báo của NHNN trong tuần từ 14/8/2009 đến 20/8/2008 các giao dịch và lãi suất trên thị trường đều tăng cao: tổng doanh số giao dịch trên thị trường liên ngân hàng đạt xấp xỉ 60.780 tỷ VND và 1.700 triệu USD, bình quân đạt 12.150 tỷ VND và 342 triệu USD/ngày, trong đó chủ yếu là các giao dịch có kỳ hạn ngắn; So với số liệu tuần trước, lãi suất giao dịch bình quân

bằng VND trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng tuần này có xu hướng tăng đối với các kỳ hạn ngắn (dưới 3 tháng) và có xu hướng giảm đối với các kỳ hạn dài hơn. Lãi suất bình quân qua đêm là 7,38%/năm (tiếp tục tăng 0,18%/năm so với số liệu tuần trước), lãi suất các kỳ hạn còn lại dao động trong khoảng từ 8,32%/năm đến 9,36%/năm.

Theo lý giải của các nhà lãnh đạo ngân hàng, sở dĩ lãi suất huy động vốn tiếp tục tăng những ngày

qua là do nguồn vốn huy động về hiện chủ yếu ở kỳ hạn ngắn. Tuy nhiên, để huy động được nguồn tiền nhàn rỗi trong dân cư lúc này là điều hoàn toàn không dễ, bởi các kênh đầu tư khác, như chứng khoán, vàng, bất động sản... đang dần thu hút trở lại sự quan tâm của nhà đầu tư, các NH có dư vốn khế dụng cũng đang thực hiện chiến lược "phòng ngự" để phòng mất cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn, nên các ngân hàng nhỏ buộc phải tìm kiếm vốn trên thị trường liên ngân hàng với lãi suất cao nhưng cũng hết sức khó khăn. Trong gần một tháng qua, khi NHNN thực hiện chính sách hạ mục tiêu tăng trưởng dư nợ tín dụng từ 30% xuống còn 27% và kiểm soát chặt tín dụng cá nhân, thì các ngân hàng đã thận trọng hơn trong hoạt động cho vay. Nhằm bảo đảm nguồn vốn cho vay, các NHTM tiếp tục tăng lãi suất huy động với



mức đỉnh mới 10,3%/năm.

Trong bối cảnh kinh tế suy giảm thì quan ngại lớn nhất trong hoạt động ngân hàng là việc duy trì thanh khoản chứ không phải yếu tố lợi nhuận. Giai đoạn nguy hiểm nhất chính là quý I/2008, bài học cho các NHTM là không một ngân hàng nào muốn huy động vốn ở mức cao và cho vay với lãi suất cao, tỉ suất lợi nhuận của ngân hàng và nền kinh tế bị giảm sút.

### Đi tìm nguyên nhân

*Thứ nhất:* Có sự mất cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn. Từ đầu năm đến nay đặc biệt là cuối tháng 6, tốc độ tăng vốn huy động của hệ thống ngân hàng luôn thấp hơn tốc độ tăng dự nợ. Theo thông tin chính thức thì cuối tháng 7 tốc độ tăng dự nợ vẫn cao hơn tốc độ tăng vốn huy động gần 2%, ở một số ngân hàng thì mức chênh lệch 2 tỉ lệ này còn cao hơn nhiều. Trong khi đó nhu cầu về sử dụng vốn của các doanh nghiệp có chiều hướng tăng khi nền kinh tế đang thoát ra khỏi đáy của cuộc suy giảm, một số doanh nghiệp đã tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và giá cả các vật tư, hàng hóa trên thị trường đang còn ở mức thấp để tăng nguồn dự trữ cho sản xuất từ nay đến cuối năm và đón dịp Tết Nguyên đán năm Canh Dần... Theo thông báo của NHNN dự nợ cho vay hỗ trợ lãi suất đến 27/8/2009 là 307.748 tỷ đồng, so với tuần trước, trong đó dự nợ phân theo đối tượng khách hàng doanh nghiệp nhà nước 62.614,9 tỷ đồng; doanh nghiệp ngoài nhà nước là 264.569,88 tỷ đồng; hộ sản xuất là 70.536,3 tỷ đồng, tốc độ dự nợ tăng chậm lại so với các tháng trước, tình hình kinh tế - xã hội 8 tháng đầu năm đã có chuyển biến tích cực. Theo Tổng cục Thống kê, 8 tháng năm 2009, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 5,6% so với cùng kỳ năm 2008; sản xuất

nông nghiệp, thủy sản đều tăng so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2008 đạt 37,3 tỷ USD, giảm 14,2% so với cùng kỳ năm 2008, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu đạt 42,4 tỷ USD, giảm 28,2% so với cùng kỳ năm 2008, nhập siêu đạt 5,1 tỷ USD, với chính sách khuyến khích tiêu thụ hàng hóa trên thị trường nội địa và hưởng ứng lời kêu gọi "người Việt sử dụng hàng Việt", thị trường bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng trong nước trong nước đã tăng 18,4% so với cùng kỳ năm trước.

Để giúp kinh tế trong nước thoát khỏi suy giảm, một số ý kiến cho rằng cần sớm thiết kế gói kích cầu hỗ trợ lãi suất ngắn hạn mới để doanh nghiệp không bị "sốc" khi gói kích cầu đầu tiên kết thúc vào tháng 12 tới. Theo PGS-TS Đinh Trọng Thịnh (Học viện Tài chính): "Liệu nền kinh tế đã vượt qua suy giảm chưa, nếu chưa hết suy giảm mà đã dừng hỗ trợ lãi suất thì doanh nghiệp có trụ được không?" và cho rằng vẫn cần một gói kích cầu nữa, với liều lượng có thể nhỏ hơn, cần sớm rà soát để xem đối tượng nào cần tiếp tục được ưu đãi vốn, mức bù lãi suất có thể chỉ cần khoảng 1% - 2%, và cần sự phối hợp với các chính sách khác để hướng doanh nghiệp tập trung vào tái cơ cấu hoạt động, tăng sức cạnh tranh. Với các đề xuất trên, các NHTM cũng đang dự báo nhu cầu tăng vốn tín dụng cho nền kinh tế thì việc tăng lãi suất huy động vừa đáp ứng nhu cầu tín dụng và là cơ hội tăng lợi nhuận.

*Thứ hai:* Trong gần 2 tháng qua, NHNN đã phát đi tín hiệu siết chặt tín dụng bằng việc giảm tăng trưởng tín dụng từ 30% như dự kiến xuống còn 25% -27% so với năm 2008, nhất là với cho vay cầm cố và bất động sản..., tiếp đến NHNN vừa mới ban hành quy định tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử

dụng để cho vay trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam từ 40% xuống còn 30% nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động, đặc biệt là khả năng thanh khoản. Trước tình hình huy động vốn trung và dài hạn của các tổ chức tín dụng còn gặp nhiều khó khăn, dẫn đến các rủi ro tiềm ẩn do chênh lệch về kỳ hạn giữa nguồn vốn và sử dụng vốn; tuy nhu cầu vốn của các DN tăng nhưng không thể chịu với mức lãi suất vay quá cao so với tỉ suất lợi nhuận bình quân chung của ngành kinh tế được. Vì vậy, với nguồn vốn huy động lãi suất cao, các NH không thể cho vay với những ngành nghề đang còn gặp quá nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ; trong lúc NHNN vẫn duy trì mức lãi suất cơ bản là 7%/ năm, trần lãi suất tín dụng chỉ cao nhất là 10,5%/ năm, lý giải cho việc huy động vốn lãi suất cao này đang chảy vào những lĩnh vực đang bị sốt nóng như cho vay tiêu dùng để mua xe ô tô, sửa chữa nhà ở, du học với lãi suất từ 12% đến 15% và cao hơn thế hoặc bất động sản, chứng khoán đang bùng nổ, khiến tốc độ tăng trưởng dự nợ cao. Theo NHNN tính đến hết tháng 6/2009, dự nợ cho vay tiêu dùng đạt 85.000 tỷ đồng, tăng 11,6%, cho vay chứng khoán tăng 28,31%, cho vay bất động sản tăng 10,48% so với thời điểm cuối năm 2008, tuy đang trong tầm kiểm soát, nhưng theo dự báo của các chuyên gia với việc mở rộng chính sách tài khóa, nới lỏng chính sách tiền tệ để chống suy giảm kinh tế, lạm phát có thể quay trở lại là khó tránh nếu không có giải pháp giảm cung tiền; ngoài việc tăng lãi suất tiền gửi để tăng số dự tiền gửi ngắn hạn, một số NHTM còn phát hành trái phiếu, kỳ phiếu dài hạn để tăng nguồn vốn dài hạn nhằm đáp ứng quy định của NHNN giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung - dài hạn từ 40% xuống 30%, những giải pháp trên vừa đa dạng hóa nhu

cầu vốn của người vay vừa tăng lợi nhuận NH và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Tuy nhiên, rủi ro thanh khoản của các NHTM trong giai đoạn suy giảm kinh tế hiện nay khác xa với thời kỳ lạm phát năm 2007 và đầu năm 2008 khi lãi suất cơ bản ổn định ở mức 7%/năm, thấp hơn đầu năm 2007 và cơ chế điều hành lãi suất tín dụng không quá 10,5%/năm, còn lãi suất thỏa thuận chỉ được áp dụng trong lĩnh vực cho vay tiêu dùng vốn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng dư nợ tín dụng, các NHTM cũng đã tăng cường quản lý rủi ro nhất là rủi ro tín dụng, nhưng rủi ro thanh khoản cũng có thể xảy ra đối với một số NH nhỏ nếu chạy theo lợi nhuận nhất thời và không có biện pháp phòng vệ. Vì vậy thời gian qua NHNN đã khuyến cáo và tăng cường kiểm soát cho vay đối với hoạt động cho vay đầu tư, kinh doanh chứng

khoán và cho vay đầu tư kinh doanh bất động sản nhằm đảm bảo an toàn hoạt động kinh doanh của NHTM.

### Làm gì để ngăn chặn rủi ro

Việc tăng lãi suất huy động tùy thuộc vào tình hình “sức khỏe” và chiến lược kinh doanh của mỗi ngân hàng, NHNN không thể hạn chế bằng biện pháp hành chính, nhưng để không gây lộn xộn trên thị trường tiền tệ, thì các ngân hàng cần có những biện pháp sau:

Một là, để tránh tình trạng rút tiền trước hạn tại ngân hàng này gửi NH khác có lãi suất cao hơn, nên chăng các ngân hàng thống nhất áp dụng lãi suất không kỳ hạn khi rút tiền trước hạn hoặc tính tiền phạt khi rút tiền gửi trước hạn theo quy định của Nhà nước, biện pháp này hầu như chưa có ngân hàng nào áp dụng.

Hai là, Hiệp hội Ngân hàng nên có sự đồng thuận giữa các hội viên

về mức lãi suất phù hợp và kêu gọi ngân hàng hội viên thực hiện.

Ba là, để đề phòng rủi ro thanh khoản hệ thống NHTM cần tập trung vào xây dựng chiến lược quản trị thanh khoản; tập trung nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh; liên kết thống nhất giữa các NHTM để đảm bảo an toàn thanh toán, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh; cần minh bạch hoá thông tin tạo sự liên kết bền vững, chủ động phối hợp để đối phó với những tình huống xảy ra thanh khoản bất thường. Từng NHTM cần duy trì khả năng chi trả theo quy định, đầu tư vào giấy tờ có giá để khi cần thiết có thể vay tái chiết khấu hoặc tham gia thị trường mở, nâng cao chất lượng tín dụng, hạn chế nợ xấu ở mức thấp nhất, cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn và các biện pháp cần thiết khác giúp hoạt động ngân hàng an toàn, có hiệu quả. □

## Lựa chọn mô hình tăng trưởng và tâm nhìn...

(tiếp theo trang 8)

vực tạo ra sản phẩm xuất khẩu, đặc biệt là sản phẩm dịch vụ xuất khẩu.

Cơ cấu kinh tế phải tạo ra tăng trưởng nhanh và bền vững, toàn dụng lao động, đem lại công bằng, tiến bộ rõ rệt cho xã hội, nâng cao mức sống của các tầng lớp dân cư.

Tăng khả năng và tiềm năng của nền kinh tế để chủ động trong lộ trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới; bảo đảm tự chủ trong kinh tế. Xây dựng cơ cấu kinh tế năng động với các loại hình sản xuất kinh doanh có các quy mô khác nhau (lớn, vừa và nhỏ), có khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của tình hình phát triển kinh tế và thương mại quốc tế.

Cơ cấu kinh tế không thâm dụng nhiều vốn, không tiêu hao nhiều năng lượng và toàn dụng

nguồn lao động quốc gia. Đồng thời cơ cấu kinh tế hướng vào những điều kiện tiên quyết tạo thế và lực cho phát triển (kết cấu hạ tầng then chốt, lĩnh vực và sản phẩm chủ lực và những tiền đề quyết định tăng trưởng là công nghệ và nhân lực).

### Những việc cần làm để tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện để đất nước phát triển.

Ngày nay nước ta muốn tiếp tục công cuộc CNH, HĐH để đưa đất nước cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020 thì chỉ có một con đường là nâng cao khả năng mọi mặt của đất nước, của dân tộc, phát huy lợi thế so sánh, nâng cao sức cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế để phát triển nhanh, phát triển có chất

lượng. Nhưng bằng cách nào, có lẽ chỉ có thể:

Đổi mới tư duy một cách toàn diện cả về nhận thức chính trị, kinh tế và xã hội để nhanh chóng đưa đất nước đạt mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Cải cách thể chế kinh tế thị trường. Đổi mới mạnh mẽ hơn nữa cơ chế kinh tế, hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường, tháo gỡ mọi khó khăn, vướng mắc cản trở sự phát triển.

Cải cách, nâng cao hiệu lực vai trò lãnh đạo của Đảng, tổ chức lại hệ thống chính trị-xã hội. Cải cách bộ máy quản lý nhà nước, xây dựng nhà nước pháp quyền.

Phát triển mạnh nguồn nhân lực, tạo đội ngũ lao động có chất lượng cao. Cải cách giáo dục, đào tạo theo hướng hội nhập và đạt đẳng cấp quốc tế. □